

Công Án

Chú Tâm Mãn thường bắt tôi cắt nghĩa những câu chuyện thiền trong tác phẩm “Vô môn quan”; dù tôi học trên Chú mấy lớp, tôi cũng thấy không thể cắt nghĩa được những câu chuyện ấy. Tôi thấy đó là những câu chuyện không có nghĩa lý gì hết đối với người ngoài cuộc, nghĩa là đối với những người căn cơ không thích hợp với câu chuyện. Tôi nói:

- Chú nghĩ xem, ba chữ “Vô môn quan” đã là vô lý rồi. Vô môn quan là cái cửa không có cửa (the gateless gate, người Tây phương dịch). Chú bảo tôi cắt nghĩa làm sao được thế nào là “một cái cửa không cửa?”

- Nhưng không lý tác phẩm đó toàn là nói chuyện vô nghĩa cả sao. Chú mãi tỏ vẻ bực tức.

- Tôi cũng nghĩ rằng tác phẩm ấy nói chuyện vô nghĩa. Này nhé, có nghĩa tức là có nghĩa đối với một người nào, và không có nghĩa bao giờ cũng là không có nghĩa đối với một người nào. Đối với người ngoài cuộc thì nó có thể không có nghĩa; nhưng đối với người trong cuộc thì nó là có nghĩa.

Lời giải thích của tôi có lẽ không làm cho chú Tâm Mãn vừa ý. Chú mỉm cười, có ý cho rằng tôi ngụy biện. Tôi cũng tức quá, bữa đó ngồi ăn cơm tôi không hề nói chuyện với Chú.

Bữa sau, nhân tiện đi hái mít nấu canh, tôi rủ Chú xuống vườn cùng đi để mà hòa giải. Tôi nhờ Chú leo lên một cây mít dưới vườn dừa để hái xuống một trái mít non; rồi chúng tôi mang dao, rổ và trái mít xuống hồ, chiếc hồ bán nguyệt trông sen trước chùa, và ngồi trên cấp hồ, bốn chân thòng dưới nước. Nhung dao cho ướt, tôi bắt đầu gọt mít, và gọi chuyện.

- Tôi đó Chú, tại sao khi ta vào chùa thì không được học hành giáo lý ngay mà phải chấp tác công việc nặng nhọc trong một thời gian lâu như vậy?

Chú Mãn suy nghĩ rồi đáp:

- Bởi vì thầy muốn chúng ta phải qua một giai đoạn thử thách, để xem chúng ta có bền chí hay không. Nếu ta nản lòng thì tức là ta không đủ bản lĩnh để theo con đường thiền học.

Tôi nhúng trái mít gọt nửa chừng xuống nước cho nhựa mít đừng dính vào dao rồi nói:

- Cũng có thể như vậy; nhưng tôi nghĩ có một lý do khác.

- Thì chắc là vì chúng ta theo nguyên tắc “bất tác bất thực”, nguyên tắc nhà Thiền. Nếu không làm thì không ăn, vào chùa phải học điều đó trước.

Tôi phì cười:

- Lý do đó của Chú còn tệ hơn lý do trước nữa. Theo tôi thì giai đoạn chấp tác ấy cần thiết để cho vị thiền sư tìm hiểu trình độ và căn cơ cũng mình; và chỉ khi nào hiểu thấu được điều kiện tâm lý của người đệ tử thì vị thiền sư mới

biết phải dạy điều gì cho người đệ tử; và cũng chỉ có người đệ tử ấy mới thọ lãnh được điều ấy của vị thiên sư dạy một cách đúng mức mà thôi. Cho nên hôm qua tôi nói: một lời của thiên sư chỉ có nghĩa với người mà thiên sư đang đối thoại.

Mắt chú Mãn sáng lên:

- Phải rồi, em thấy rất rõ điều đó. Một hôm, cũng theo sách Vô môn quan có người đệ tử mới vào tu viện, lên bạch thầy để hỏi giáo lý. Thiên sư chỉ hỏi: Chú đã ăn cháo điểm tâm chưa? Người đệ tử trả lời: bạch Ngài con ăn rồi; và thiên sư dạy: Nếu vậy Chú xuống rửa bát đi. Theo em thì câu nói ấy của thiên sư có hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là người đệ tử cần phải tập đi từ bước đầu tiên, đừng vội vã, phải để cho thầy có thì giờ tìm hiểu mình. Nghĩa thứ hai là người đệ tử phải xem việc rửa bát như là công tác đầu của việc tham thiền.

- Tôi đồng ý với Chú, và trong trường hợp câu chuyện trên, ta tìm ra một cái nghĩa; vì chính anh em chúng ta cũng đã nằm trong trường hợp người đệ tử mới vào kia, và cũng nhận thấy rằng câu nói “Chú hãy đi rửa bát đi” là một pháp môn thích hợp với căn cơ của chúng ta.

Tôi nhớ rất rõ là khi mới vào tu viện, tôi thấy tôi như lạc lõng vào trong một thế giới khác hẳn với thế giới thường; không khí trong tu viện vừa lặng lẽ vừa tinh tấn, vừa trang nghiêm, vừa dịu hiền. Vào tu viện, người mới nhập môn thấy mình bối ngỡ. Ai cũng ung dung nghiêm trang, nhẹ nhàng, vui vẻ một cách trang trọng và như vậy khiến mình càng vụng về hơn, bối ngỡ hơn. Hãy nhìn thầy Hương đang mở cửa đi ra khỏi liêu rồi đóng cửa lại. Động tác nhẹ nhàng, khoan thai như là thầy sợ gây tiếng ồn không cần thiết cho tu viện. Điều nào đóng sầm cửa một lần là bị quở ngay. Phải học theo những “uy nghi” của người lớn, và trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, phải tự kiểm soát động tác cơ thể, ngôn ngữ, và tâm ý mình. Những điều ấy, các điều học ở sách “Uy Nghi” tức là cuốn thứ hai trong bộ Luật Tiêu. Theo sách ấy, mỗi khi ta có một động tác cơ thể, ta phải làm phát khởi trong tâm ý một tư tưởng tốt đẹp để khép động tác ấy vào chính nghiệp và như thế là ta luôn luôn an trú trong chính niệm. Ví dụ như khi anh vừa thức dậy buổi sáng, anh nên phát khởi ý niệm này: “thùy miên thi ngộ đương nguyện chúng sinh nhất thiết tri giác châu cổ thập phương”. Nghĩa là “khi mới thức dậy tôi nguyện cho mọi chúng sinh có đầy đủ tất cả các trí tuệ giác ngộ để thấu đạt được mười phương”.

Rồi đến khi nghe tiếng chuông khuya, anh cũng phải phát khởi trong tâm niệm anh một ý tưởng khác; và đến khi anh đưa chân xuống tìm đôi dép, anh phải quán tưởng như sau:

“Tùng triều Dần đán trực chí mộ

Nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ

Nhược ư túc hạ táng kỳ hình

Nguyện nhữ tức thời sinh tịnh độ”.

Như thế nghĩa là: “từ giờ Dần sáng mai đến chiều tối, tất cả các loài chúng sinh hữu tình đều có bốn phận bảo vệ lấy sinh mạng của mình. Nếu rủi ro mà một vài chúng sinh bị chết dưới chân tôi, tôi nguyện cho những chúng sinh ấy

được vãng sinh ngay về tịnh độ”. Tôi rất cảm động mỗi khi đọc thắm những câu như thế và tôi thấy chính niệm và tình thương được nuôi dưỡng. Khi mặc áo, gài khuy, buộc giải, rửa tay, rửa chân, xỉa răng, rửa bát cho đến quét tước, đi vệ sinh, nghĩa là trong bất cứ động tác nào cũng cần có một tư tưởng chính niệm đi kèm theo. Di Tu rất mê câu:

“Hằng tảo già lam địa
thời thường phước huệ sinh”.

Và thường đọc mỗi khi đi đem chổi ra quét lá rụng trước sân chùa. Hai câu đó nghĩa là: “thường siêng năng quét tước đất già lam (chùa) thì có thể làm phát sinh thêm phước đức và trí tuệ”. Khi rửa tay chúng tôi thường trầm ngâm bởi vì chúng tôi đang quán bài “dĩ thủy quán chưởng”:

“Dĩ thủy quán chưởng
đương nguyện chúng sinh
đắc thanh tịnh thủ
thọ trì Phật pháp”

“Khi lấy nước rửa tay, tôi xin nguyện cho mọi người, ai cũng có được hai bàn tay trong sạch để duy trì lấy Phật pháp”. Thấy một dòng nước chảy, anh phải nghĩ rằng anh mong cho mọi người được dự vào dòng chính pháp để chảy về Phật quả. Hãy nói đến một ý tưởng mà chúng tôi cần phải phát khởi trong trí khi chúng tôi vào nhà vệ sinh:

“đại tiểu tiện thời
đương nguyện chúng sinh
khí tham sân si
quyên trừ tội pháp”

“Khi đi tiểu tiện, tôi mong cho tất cả mọi chúng sinh tổng ra người những tham sân si và dứt trừ được mọi tội lỗi”.

Nói tóm lại, sách Tỳ Ni dạy các Chú phải khép tâm niệm lại, đừng để cho tâm niệm mình buông lung như con vượn chuyền cành hay là con ngựa sổ chuồng (tâm viên ý mã). Khi mà chúng tôi thực hành được những điều của Tỳ Ni dạy rồi thì chúng tôi có thể tạo ra những “công thức” khác, cũng cùng theo một nguyên tắc đó. Ví dụ như khi chú Mãn đóng lại một cuốn sách cũ, chú có thể tác ý như sau: “Khi đóng lại một cuốn sách, tôi nguyện cho tôi chỉnh đốn lại những sơ hở và lệch lạc trong đời sống tâm linh của tôi”. Chúng tôi thường đàm luận về những vấn đề như thế và tôi đề nghị nên chép thêm những công thức mới để viết ra thêm một cuốn Tỳ Ni mới. Thế nào cũng có một công thức cho việc đi máy bay. “Ngày xưa có Chú nào được đi máy bay đâu, thành ra sách Tỳ Ni không có ghi câu máy bay. Mai một tôi mà được đi máy bay về Nha Trang chẳng hạn thì tôi sẽ tịnh niệm như sau:

“Thượng phi cơ thời
đương nguyện chúng sinh
đắc đại thần lực
tốc vãng Giác ngạn”

Nghĩa là: “Khi bước lên máy bay, tôi xin nguyện cho chúng sinh ai nấy đều

chóng đạt được thần lực để bay mau về bờ giác ngộ”.

Chúng tôi cười vang.

Chú Mãn giúp tôi rửa những miếng mít cho thật sạch nhựa và hốt đông vò mít đổ dưới gốc một cây hồ tiêu. Tôi nói:

- Khi mới vào tu viện, bốn phận của người đệ tử là phải biết nhìn, biết nghe, Nhìn cách đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc và tham thiền của các bậc trưởng thượng. Họ đã sống qua thời gian tập luyện: thân khẩu ý của họ đượm một chút gì uy nghi, trầm lặng và dễ mến. Chú đã học sách Uy nghi rồi thì chú biết đây: một vị Sa di phải thức liễm thân tâm cách nào để có thể phát triển được đạo hạnh. Người nhập môn lại phải biết nghe thứ ngôn ngữ của tu viện, thứ ngôn ngữ của thiền tông mà ai cũng nhận là hết sức đặc biệt. Ngôn ngữ đó đôi khi không là âm thanh mà lại là một vài động tác cơ thể. Mà thứ ngôn ngữ đó đôi khi là một thứ ngôn ngữ ghê gớm có thể lay đổ cả một đời người, tiêu diệt cả một nhân sinh quan, lột cả được một cái xác hiện hữu. Chú có nhớ chuyện con chó của thiền sư Triệu Châu không?

- Không, em không nhớ.

- Có một vị đệ tử lên bạch ngài: Bạch Thầy, con chó có Phật tính hay không? Ngài trả lời: Có.

Ngày mai, một vị đệ tử khác lên, cũng hỏi một câu đó: Bạch Thầy, con chó có Phật tính không? Ngài trả lời: Không.

- Như vậy, chú Tâm Mãn nói, thì do hai căn cơ khác nhau và vì vậy phương pháp đối trị phải khác nhau. Chân lý không nằm trong hai chữ “không” và “có” mà trong phương pháp đối trị và khai thị của thiền sư, phải không chú?

- Chú nói đúng lắm. “Không” và “Có” ở đây không phải là chân lý, mà chỉ là phương tiện chỉ bày chân lý. Phương tiện ấy đạo Phật gọi là giả thi thiết. Đó có thể là những công án chỉ có nghĩa với người trong cuộc. Theo tôi, trong trường hợp thứ nhất, người đệ tử đã hỏi vì một tâm niệm muốn tìm hiểu và không cố chấp, nên ngài nói: Có. Trong trường hợp thứ hai, người hỏi có thể là một người chỉ khư khư chấp chặt lấy phương tiện và hay giáo điều hóa mọi sự cho nên câu trả lời là Không. Tiếng “Không” này chắc hẳn đã là một sự lay động ghê gớm khiến cho người hỏi hoảng hốt không biết phương hướng nào mà mò, bởi vì có lẽ ông ta đã lâu ngày thờ phụng chữ “Có” của ông ta như là một vì sao chỉ hướng; nhưng mà dù sao chúng ta vẫn chỉ là người ngoại cuộc, chúng ta không thể tiếp nhận được hai chữ “không” và “có” kia như hai vị đệ tử của ngài Triệu Châu được.

- Em thấy các sách Thiền tông thường nói đến sự khinh khi lý thuyết và tranh luận. Chắc hẳn chấp tác, nhìn và nghe là những điều quan trọng nhất của người tập sự thiền học chứ không phải là những luận đàm về các vấn đề siêu hình.

Tôi biểu đồng tình với chú:

- Trong thời gian chấp tác, sở dĩ người hành giả phải học Tỳ Ni Nhật Dụng và Uy Nghi là vì thế. Cần phải buộc thân và tâm mình lại trong một thứ kỷ luật vững chãi mới mong thực hành thiền quán được. Chú nghĩ xem nhé; nhà bác

học trong khi thí nghiệm còn phải vâng theo những kỷ luật của phòng thí nghiệm, nữa là nhà thiền học; và người hành giả cứ như thế mà đào luyện cho mình một khả năng định tâm đủ để tham thiền. Ví dụ khi Chú gánh một gánh củi từ ngoài núi vào bếp, chú có thể tập trung tư tưởng Chú vào một việc gánh củi mà thôi, không để cho tâm ý tán loạn nghĩ tưởng đến chuyện khác, như là giặt áo, xay lúa v.v... Hoặc khi Chú nhìn một bát nước trong để cách Chú ba bốn thước và tập trung tư tưởng vào chén nước ấy trong mười, hai mươi hoặc ba mươi phút. Tập luyện như thế, định lực của Chú càng ngày càng mạnh, mà khi định lực mạnh thì tham thiền dễ lắm. Không những Chú có thể phát triển định lực mà Chú còn có thể phát triển năng khiếu quan sát và khả năng sáng tác nữa. Nếu Chú biết tập trung tư tưởng cho có định lực thì trong những trường hợp nhìn vào những hình vẽ của Kỷ hà học chẳng hạn. Chú sẽ chóng tìm thấy giải đáp hơn.

Tôi bung rở mít lên và giao cho di Tư ở nhà bếp thái ra từng lát mỏng nấu canh. Chúng tôi ra núi để hái rau sên và lốt, hai thứ rau thơm rất cần cho canh mít. Sên là một thứ lá núi màu hơi hồng, cành có gai, thái nhỏ bỏ vào nồi mít khi mít đã chín thì sẽ làm cho mít thật thơm. Trong những món chay mà tôi nấu được, có món canh mít là tôi sở trường hơn cả. Chính chú Mãn cũng phải “học” với tôi.

Ra đến núi, tôi tiếp tục câu chuyện:

- Khi mà vị thiền sư thấy người đệ tử đã bắt đầu thuận thực, bắt đầu có định lực, thì Người mới gọi vị đệ tử vào, dạy cho vài điều cần thiết (có nhiên là cần thiết cho người đó) và trao cho người đệ tử một vấn đề tham khảo bằng thiền định. Đó là những công án. Ví dụ công án này: “vạn pháp quy về một, và một quy về đâu?” thế là người đệ tử phải ngày đêm sống chết với công án ấy cho đến bao giờ đạt được chứng ngộ (satori, theo tiếng Nhật). Công án không phải là một luận đề giáo lý đâu chú. Đó là một mũi tên cắm sâu vào vài người hành giả, khiến người này đau nhức, thao thức ngày đêm với nó. Mỗi niệm (thời gian một sát na) mỗi niệm, người hành giả phải đặt nó trong tâm tưởng và lấy nó làm đối tượng để tập trung định lực và quán chiếu vào nó bằng tất cả ý thức và vô thức của mình.

- Như vậy thì bất cứ lúc ăn, uống, đi, đứng, nằm, ngồi, người hành giả cũng phải tham thiền cả.

- Đúng như vậy, ngoài những giờ tọa thiền nhất định, trong những lúc làm việc, giặt giũ, may vá, người hành giả đều phải nhiếp tâm về một mối để cố phẳng lặn những rối ren của tâm lý; nhưng Chú đừng tưởng đây là một cố gắng tìm hiểu bằng phương pháp suy luận căn cứ trên nguyên tắc đồng nhất. Chú đã học Duy Thức rồi thì chú biết đấy. Lối suy luận cắt xén vạn vật bằng khái niệm ấy, trong Duy Thức học gọi là biến kế chấp. Ta phải đi tìm một khả năng trí tuệ khác hơn, tức là trí tuệ Thiên, và trí tuệ này được phát lộ nhờ định lực. Khi ta nhiếp tâm vào một mối, thì tâm ta không còn tán loạn. Nhờ không có tán loạn, định lực phát triển. Chính định lực ấy hoạt động, không những ở ý thức mà còn ở tiềm thức tức là A lại gia nữa. Trong lúc ngủ, sự làm việc

của định lực và của tiềm thức, vẫn tiếp diễn. Tiềm thức cũng như một cái nồi rất lớn để nấu những công án, sức lửa chính là khả năng thiền quán và định lực. Khi công án đã chín, thì tự nhiên nhờ một trợ duyên nào đó, nó phát lộ toàn thân trên tâm thức mình, và cố nhiên là cả trên mặt phẳng ý thức. Trường hợp này gọi là ngộ đạo.

Chú Mãn gật đầu:

- Em thấy tiềm thức làm việc dữ lắm, dù là trong giấc ngủ, như chiều hôm qua chẳng hạn, đi mua sách em gặp một người rất quen đi trên hè phố chào em, mà em không nhớ được tên. Có lẽ lâu quá em không gặp ông ta. Thế rồi đi dọc hè đường, em cố tập trung tư tưởng đến nhức đầu mà cũng không gọi lại được cái tên của người ấy, trong ý thức em. Buổi tối em quên khuấy chuyện đó mất, và sáng mai này, trong khi súc miệng, tự nhiên không suy nghĩ gì mà cái tên người kia lại hiện về một cách dễ dàng trong đầu óc em.

- Ai thế chú Mãn?

- Ông Bình đấy, cái ông mà chúng ta gặp trong hội đi tản cư đấy. Chú có nhớ là ông ta đã gặp chúng ta đi tìm mua muối không?

- Có lâu ngày tôi cũng không gặp ông ta; mà Chú Mãn ạ, câu chuyện của Chú khiến tôi nhớ lại câu chuyện này cũng rất buồn cười. Hồi tôi còn nhỏ, vào khoảng tám tuổi, tôi hay vọc nước lắm. Đằng trước sân, sau cái bình phong, có một cái vại nước mưa cao đến bằng ngực tôi, nước trong vắt. Hôm đó tôi thấy có mấy cái lá vàng nằm dưới đáy chậu và muốn vớt chúng ra khỏi vại nước. Tôi xắn tay áo lên cao tới vai và thọc tay vào vại; nhưng cánh tay của tôi ngắn quá không thể nào mò tới đáy vại nước. Tôi liền đi tìm một cái gậy, rửa sạch, định khều máy cái lá lên; nhưng mà đầu gậy không nhọn, cho nên tôi chẳng khều lên được cái nào. Bực mình tôi liền lấy gậy khoắng vòn tròn trong vại, mong rằng khoắng như thế thì nước sẽ cuốn lá lên; nhưng khoắng hai ba chục vòng mà chúng vẫn không lên. Tôi rút gậy ra, chịu đầu hàng. Lạ chưa, một lát sau, những chiếc lá trôi lên trên mặt nước. Thì ra khi ta không khoắng nữa, nước trước vại vẫn xoắn đều và cuối cùng cũng đưa cái lá trôi lên trên mặt nước.

- Thế rồi chú nhặt máy ngọn lá vớt đi? Chú Mãn cười.

Tôi cũng cười:

- Lẽ cố nhiên. Đấy chú xem, cũng như khi ta không ngồi thiền mà nếu ta nhiếp tâm thì sự nhiếp tâm ấy vẫn có hiệu lực nung nấu tiềm thức giúp cho công án mau chín. Ngồi thiền (tọa thiền) thì bắt buộc phải biết thực hành phương pháp điều tức (điều hòa hơi thở) điều thân (điều hòa thân thể); về những phương diện ăn, ngủ, giữ thân thể ngồi đúng theo phương pháp chỉ định; còn trong những động tác thường nhật thì cần nhất là sự nhiếp tâm.

- Bao lâu ta mới “ninh” chín được một công án hả chú?

- Cái đó còn tùy theo căn cơ và sự cố gắng của người hành giả.

Có người “ngộ” rất mau mà có người “ngộ” rất lâu. Để tôi kể cho chú nghe trường hợp của người ngộ lâu nhé. Chuyện này ở Trung Hoa. Có một thiền sư dạy rất đông đệ tử, sau một thời gian hai mươi năm, tất cả đều được giác ngộ

và được gọi đi giáo hóa ở các phương xa. Duy có một vị đệ tử tu đã rất lâu năm và rất dày công phu mà vẫn chưa đập vỡ được cái vỏ vô minh để được giác ngộ. Vị đệ tử rất lầy làm hồ thẹn, nhưng vì thế, càng cố gắng hơn. Thiên sư thì nhẫn nại, ngài không hề tỏ dấu hiệu nào thiếu bình tĩnh. Một mùa Đông nọ trong chùa, trên hang núi, chỉ còn có một thầy một trò. Sáng ấy tuyết rơi dày núi lấp mất đường ra. Trời lạnh, vị thiên sư sai người đệ tử đi kiếm thêm củi để bỏ vào lò sưởi; nhưng đường ra núi đã bị tuyết bít lại rồi. Người đệ tử đi tìm quanh trong động nhưng tuyết không còn lấy một thanh củi. Vị thiên sư tỏ vẻ khó chịu: “Chú hãy kiếm bất cứ thứ gì bằng gỗ cũng được”. Sau một hồi tìm kiếm, vị đệ tử không thấy còn thứ gì trong hang đá cả. Bàn, ghế v.v... tất cả đều bằng đá. “Bạch thầy không có đồ vật gì bằng gỗ nữa cả”. Vị thiên sư tỏ vẻ khó chịu thêm và nói: “Thì Chú hãy vào chánh điện thử xem”. Sợ hãi, người đệ tử vào phía hang chánh điện và cũng không thấy đồ vật gì bằng gỗ cả, trừ tượng Phật đang thờ trên bàn thạch. Run rẩy ông trở về báo cáo: “Bạch thầy chỉ có tượng Phật là bằng gỗ thôi”. Vị thiên sư quát mắng: “Tôi đã bảo bất cứ đồ gì bằng gỗ!” Chưa từng bao giờ thấy thiên sư nổi giận, vị đệ tử hoảng kinh run lập cập hạ bệ tượng Phật xuống. Trước con mắt vô cùng ngạc nhiên của người đệ tử, vị thiên sư lấy búa chẻ tượng Phật làm bốn mảnh liệng vào lò lửa. Tượng Phật bốc cháy.

Chú biết sao không? Sự việc xảy đến gây chấn động mãnh liệt trên tâm trạng người đệ tử: bỗng nhiên người này thấy tâm mình thông suốt bừng mở. Cái vỏ cứng đã bị đập tan rồi. Ánh sáng giác ngộ chảy tràn vào. Tôi chắc trong nội tâm của người đệ tử, tất cả đều đã được chuẩn bị cả rồi, duy còn có một tí chấp trước nào đó mà người kia chưa được giác ngộ. Vị thiên sư đã đợi đúng lúc để giáng xuống một đòn cân não và phá tan được trở lực cuối cùng kia.

Chú Mẫn reo lên”

- Thế thì cũng giống như một cái boîte magique! Tất cả đều sửa soạn xong rồi, nào lò xo, nào hình nhân; nhưng chỉ còn có cái nút chưa bấm. Bấm đúng vào cái nút thì nắp hộp sẽ bật tung và hình nhân hiện ra.

- Đúng như thế. Vị thiên sư là nhà tâm lý học theo dõi rất sát các vị đệ tử của mình. Bởi vậy cho nên thời gian làm việc gần thấy rất quan hệ. Đến khi thấy được căn cơ thì thầy sẽ trao cho một công án; và đến lúc thấy cần giáng cho một đòn chí tử thì thiên sư sẽ không ngần ngại. Phần lớn các ngọn đòn như thế đều mang lại thành công; nhưng có khi không thấu triệt được căn cơ, thiên sư cũng chịu thất bại. Đây tôi kể cho chú nghe câu chuyện của một chú đệ tử, trong đó vị thiên sư thành công. Chẳng là chú đệ tử ấy trong những buổi giảng về thực tập tham thiền của đại chúng, buổi nào chú cũng có mặt. Chú rất thông minh và khi nói chuyện Chú hay bắt chước đưa một ngón tay lên, im lặng, dáng điệu của thiên sư mỗi khi muốn nói một điều gì quan trọng. Có một hôm hầu chuyện thiên sư, chú đệ tử khuấy đi mát, cũng đưa một ngón tay lên, vẻ mặt trang nghiêm. Sẵn có con dao rọc giấy gần đây, thiên sư đẽ tay chú đệ tử xuống tiện mát cũng chú một đốt tay, ngón hay bắt chước. Hai thầy trò đuổi nhau một hồi. Thiên sư gọi: “Này chú”. Chú đệ tử cũng đưa ngón tay

lên; và thoát nhiên nhận thấy ngón tay mình đã mất, chú thấy tâm trí bừng sáng giác ngộ; và chú cúi đầu, cung kính chào thầy.

- Thật là nguy hiểm. Em thấy hơi tàn bạo.

- Tàn bạo thì còn có khi tàn bạo hơn; nhưng sự quan trọng là ở chỗ giác ngộ. Để tôi kể cho Chú nghe câu chuyện khác trong đó vị thiền sư không thành công. Đó là trường hợp một vị đệ tử đã tư duy rất lâu ngày về một công án mà vẫn không giác ngộ, rất lầy làm hổ thẹn. Vị thiền sư nói: “Chú cứ về thử ba tháng nữa xem”. Ba tháng sau, vẫn không có hiệu quả. “Chú về thử ba tuần nữa”. Ba tuần qua vẫn không giác ngộ. “Ba ngày nữa, nếu mà không giác ngộ thì chết đi cho rồi, chứ tu mà làm gì nữa”. Ba ngày sau, vị đệ tử xuất hiện, thiền sư hỏi: “Sao, công án đã đi đến đâu?” – “Bạch thầy, con rất hổ thẹn, con chưa tìm ra được. Con sẽ tự tử” – “Thì tự tử đi”, vị thiền sư quát lên. Người đệ tử liền rút dao mổ bụng chớp nhoáng và ngã gục xuống. Vị thiền sư chăm chú nhìn vào nét mặt của người hấp hối và hỏi: “Tự tử thì được rồi, nhưng công án đã tìm ra chưa?” - Phêu phào, người đệ tử nói: “Bạch thầy, chưa”. Vị thiền sư bắn viên đạn cuối cùng: “Câm đi, người chết không có nói bao giờ”; nhưng cuối cùng viên đạn đó vẫn không đạt được mục đích.

- Thật là một thảm kịch. Em thương người đệ tử lắm, tuy biết rằng chính thiền sư còn khổ đau hơn.

- Tuy thế, thường thường là các vị thiền sư thành công. Chú cứ đọc Cao Tăng Truyện và Vô Môn Quan cho hết sẽ biết; nhưng mà này, có lẽ mít đã chín rồi mà ta chưa đem rau sên và rau lột về, cứ chuyện trò thế này mãi sao chú Mãn?

Khi hai anh em tôi về đến nhà trụ, dì Tư nói nhỏ: “Các chú ham chơi lắm. Canh mít nấu chín tự hồi nãy mà lá sên lá lột vẫn chưa có để bỏ vào”.

Thích Nhất Hạnh

Nguồn:<http://vnthiquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn2n0ntn0n31n343tq83a3q3m3237nvn>